

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HS-ST.
Ngày: 17-9-2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1, Ông Nguyễn Văn Thúc.
- 2, Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

-Thư ký phiên toà: Ông Thiệu Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2024 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ mở phiên toà xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2024/TLST-HS ngày 30/7/2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐST-HS ngày 16/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HS ngày 05/9/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Tuấn A; sinh năm 1985; tại: Tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở hiện nay: Khối Tân L, phường Hòa H, thị xã Thái H, tỉnh Nghệ A; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình M (đã chết) và bà Bùi Thị H, sinh năm 1958; có vợ Đinh Thị Huệ Kh, sinh năm 1989 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/12/2022, bị cáo có mặt tại phiên toà.

Bị hại:

1, Bà Trần Thị Diệu H, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn Pong D, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2, Ông Tạ Công L, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, phường Đạt H, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk.

Ông L ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng, tại văn bản ủy quyền ngày 17/9/2024. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Ông Trần Văn K, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn Tân H 2, phường Thống Nh, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2, Ông Phạm Quang V, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Thôn Tân H 2, phường Thống Nh, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3, Bà Đinh Thị Huệ Kh, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Khối Tân L, phường Hòa H, thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người làm chứng:

1, Ông Đinh Văn L, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Số 46 Nguyễn Văn L, phường Tân A, TP Buôn Ma Th, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2, Ông Vũ Văn B, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, phường Thiện A, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

3, Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Buôn Hồ - Đại diện theo ủy quyền bà Lương Thị T. Địa chỉ: Số 476 Hùng Vương, phường An Bình, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Năm 2013, bị can Trần Tuấn A được nhận vào làm bảo vệ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình làm việc do quen biết nhiều người nên Trần Tuấn A có nhận giúp làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất cho người dân có nhu cầu.

Năm 2008, ông Trần Văn K, trú tại tổ dân phố (TDP) Tân Hà 2, phường Thống Nhất, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mua của ông Đinh Văn L, trú tại số nhà 46 Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, thửa đất số 55, tờ bản đồ số 38, diện tích 13.500 m², do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Cư M'gar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số H009074 cho hộ ông Đinh Văn L. Khi mua hai bên chỉ viết giấy tay, chưa làm thủ tục đăng ký biến động. Vào tháng 4/2017, ông K đến gặp và nhờ Trần Tuấn A làm giúp các thủ tục giấy tờ, để đăng ký biến động tên người sử dụng đất trên GCNQSDĐ số H009074 từ hộ ông Đinh Văn L sang hộ ông Trần Văn K, thì bị can đồng ý và thỏa thuận thời gian thực hiện là 03 tháng và chi phí là 20.000.000 đồng. Sau đó, đến ngày 20/4/2017, ông K đưa cho bị can Trần Tuấn A số tiền 5.000.000 đồng cùng bản gốc GCNQSDĐ số H009074 và các giấy tờ liên quan để đi làm thủ tục sang tên, đồng thời bị can cũng viết giấy xác nhận việc nhận tiền và GCNQSDĐ từ ông Kỳ.

Ngày 23/4/2017, để có tiền làm ăn nên bị can Trần Tuấn A đã đến gặp bà Trần Thị Diệu H, trú tại TDP 4, phường Thiện An, thị xã Buôn Hồ vay số tiền 300.000.000 đồng. Đến ngày 26/4/2017, bà H yêu cầu bị can trả tiền và không cho vay nữa. Tuy nhiên sau khi vay tiền, bị can Trần Tuấn A đã sử dụng để đầu tư mua bán nông sản nên

không có tiền trả cho bà H. Do đó, bị can Trần Tuấn A đã nảy sinh ý định sang tên GCNQSDĐ số H009074 từ hộ ông Đinh Văn L sang cho vợ chồng bị can để thế chấp Ngân hàng lấy tiền trả nợ cho bà H. Sau đó, bị can Trần Tuấn A tìm đến nhà vợ chồng ông L, nói dối rằng mình đã mua lại thửa đất trên từ ông K. Để thuận tiện cho việc sang tên đổi chủ, bị can nhờ vợ chồng ông L ký vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất từ tên hộ ông Đinh Văn L sang tên bị can Trần Tuấn A, cùng vợ là Đinh Thị Huệ Kh. Do thấy bị can Trần Tuấn A cầm theo bản gốc GCNQSDĐ nên vợ chồng ông L tưởng bị can nói thật, không nghi ngờ gì và đồng ý ký vào Hợp đồng chuyển nhượng sang tên cho vợ chồng bị can Trần Tuấn A. Đến ngày 11/5/2017, bị can Trần Tuấn A hoàn thành các thủ tục và đăng ký chuyển nhượng GCNQSDĐ số H009074 qua tên vợ chồng bị can Trần Tuấn A và Đinh Thị Huệ Kh. Ngày 04/8/2017, bị can mang GCNQSDĐ trên thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Buôn Hồ vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 04/8/2017 đến 04/7/2018. Sau khi vay được tiền, bị can đã dùng để trả nợ cho bà Trần Thị Diệu H. Vào ngày 06/11/2017, ông K tiếp tục hỏi bị can Trần Tuấn A đã làm xong thủ tục sang tên chưa, thì bị can trả lời chưa xong vì thủ tục giấy tờ khó khăn. Lúc này, bị can nói với ông K đưa thêm 10.000.000 đồng để làm thủ tục giấy tờ thì được ông K đồng ý. Ngày 06/11/2017, ông K đưa thêm số tiền 10.000.000 đồng cho bị can Trần Tuấn A và yêu cầu bị can viết giấy nhận số tiền này thì bị can Trần Tuấn A đồng ý và viết chung trong tờ giấy mà bị can đã viết cho ông K trước đó khi nhận số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 20/4/2017.

Vào tháng 01/2018, thông qua sự giới thiệu của ông Trần Văn K, ông Phạm Quang V, trú tại TDP Tân Hà 2, phường Thống Nhất, thị xã Buôn Hồ cũng đã liên hệ với bị can Trần Tuấn A nhờ làm thủ tục đăng ký biến động sang tên GCNQSDĐ. Do trước đó ông V có mua của ông Vũ Văn B thửa đất số 18, tờ bản đồ số 30, diện tích 4.455 m² tại xã Ea Tul, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được cấp GCNQSDĐ số X824043 mang tên hộ ông Vũ Văn B, khi mua hai bên cũng chỉ viết giấy mua bán mà không đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động. Bị can Trần Tuấn A đồng ý làm trong thời hạn 03 tháng với chi phí là 10.000.000 đồng, ông V đồng ý giao cho bị can bản gốc GCNQSDĐ để làm thủ tục sang tên và thỏa thuận khi làm xong bìa sẽ giao tiền. Sau khi thỏa thuận và nhận được GCNQSDĐ số X824043 từ ông V, do đang nợ tiền nhiều người nên bị can Trần Tuấn A đã nảy sinh ý định sang tên GCNQSDĐ trên cho vợ chồng bị can Trần Tuấn A. Sau đó, bị can tiếp tục tìm đến nhà vợ chồng ông Vũ Văn B, nói dối với vợ chồng ông B rằng mình đã mua lại thửa đất có GCNQSDĐ số X824043 từ vợ chồng ông V, để thuận tiện cho việc sang tên đổi chủ, bị can Trần Tuấn A nhờ vợ chồng ông B ký vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất trên từ tên hộ ông Vũ Văn B sang tên cho Trần Tuấn A, cùng vợ là Đinh Thị Huệ Kh. Do thấy bị can cầm theo bản gốc GCNQSDĐ số X824043, nên vợ chồng ông B cũng tưởng bị can nói thật, không nghi ngờ gì và đồng ý ký vào Hợp đồng chuyển nhượng GCNQSDĐ số X824043 sang cho vợ chồng bị can. Đến ngày 31/01/2018, bị can Trần Tuấn A đã hoàn thành các thủ tục và đăng ký chuyển nhượng GCNQSDĐ số X824043 qua

tên vợ chồng Trần Tuấn A, Đinh Thị Huệ Kh. Sau đó, do cần tiền trả nợ cho người khác nên bị can Trần Tuấn A lấy GCNQSDĐ này giao cho bà Trần Thị Diệu H làm lòng tin để mượn bà H số tiền 150.000.000 đồng.

Đến ngày 10/07/2018, bị can Trần Tuấn A đáo hạn khoản vay thế chấp GCNQSDĐ số H009074 và vay tiếp số tiền 300.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 10/07/2018 đến ngày 10/06/2019. Ngày 23/10/2018, bị can Trần Tuấn A mượn lại GCNQSDĐ số X824043 từ bà H để thế chấp tại Ngân hàng BIDV vay số tiền 200.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 23/10/2018 đến ngày 23/09/2019 và đã sử dụng hết số tiền này để trả nợ cho bà H. Tổng số tiền bị can Trần Tuấn A vay của Ngân hàng BIDV là 500.000.000 đồng.

Sau khi trả nợ cho bà H xong, đến cuối năm 2018, do cần tiền để làm ăn (đi buôn sào riêng cuối vụ), nên bị can Trần Tuấn A tiếp tục đến gặp và vay tiền của bà Trần Thị Diệu H và ông Tạ Công L số tiền 300.000.000 đồng (trong đó vay của bà H 200.000.000 đồng, vay của ông L 100.000.000 đồng). Tuy nhiên, do việc làm ăn bị thua lỗ nên bị can Trần Tuấn A không có khả năng để trả lại tiền cho bà H và ông L. Khoảng tháng 01/2019, do bà H và ông L đến nhà đòi nợ nhiều lần nhưng bị can vẫn không có tiền để trả. Mặc dù biết 02 thửa đất số 55 và 18 không phải là tài sản thuộc quyền sở hữu của mình nhưng bị can Trần Tuấn A đã nói dối hai thửa đất này là của bị can và thỏa thuận sẽ chuyển nhượng hai thửa đất này lại cho bà H và ông L. Do đó, đến ngày 30/01/2019 vợ chồng bà Trần Thị Diệu H cùng với ông Tạ Công L đã ký 01 Hợp đồng đặt cọc với vợ chồng bị can Trần Tuấn A, trong đó thể hiện nội dung vợ chồng bà H cùng với ông L đặt cọc số tiền 700.000.000 đồng để thỏa thuận nhận sang nhượng 02 thửa đất trên từ vợ chồng bị can Trần Tuấn A, các bên sẽ cân trừ số tiền nợ là 300.000.000 đồng, đồng thời vợ chồng bà H sẽ giao thêm cho bị can Trần Tuấn A số tiền 400.000.000 đồng để bị can thực hiện việc trả nợ, xóa thế chấp tại Ngân hàng BIDV. Tại thời điểm các bên ký Hợp đồng đặt cọc vào ngày 30/01/2019 thì các GCNQSDĐ số H009074 và X824043 vẫn đang được vợ chồng bị can Trần Tuấn A thế chấp vay tiền tại Ngân hàng. Sau khi thực hiện các hành vi trên, đến khoảng giữa tháng 02/2019, nhận thấy không thể có khả năng vay mượn được tiền của người khác để trả nợ cho bà H, ông L và không có tiền trả cho Ngân hàng BIDV để rút 02 GCNQSDĐ số H009074 và số X824043 trả lại cho ông K, ông V nên vợ chồng bị can Trần Tuấn A và Đinh Thị Huệ Kh đã bỏ trốn khỏi địa phương nơi cư trú nhằm trốn tránh việc trả nợ.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 22/HĐĐG, ngày 12/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Buôn Hồ, kết luận:

+ Giá trị của thửa đất số 55, thuộc tờ bản đồ số 38, diện tích 13.500 m², theo GCNQSDĐ số H009074 vào thời điểm ngày 11/5/2017 là 405.000.000 đồng.

+ Giá trị của thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 30, diện tích 4.455 m², theo GCNQSDĐ số X824043 vào thời điểm ngày 31/01/2018 là: 133.650.000 đồng.

- Tại Kết luận giám định số 667/PCO9, ngày 25/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên Trần Tuấn A được ghi trong Giấy biên nhận tiền đề ngày 06/11/2017 mà Trần Tuấn A đã viết cho ông Trần Văn K với mẫu chữ ký, chữ viết mang tên Trần Tuấn A ghi trong các tài liệu thu thập tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ là do cùng một người viết và ký ra.

- Tại Kết luận giám định số: 440/KL-KTHS, ngày 28/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết đề tên “Đinh Thị Huệ Kh” trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 3278, quyền số 02/2017, do Phòng Công chứng số 3 chứng thực vào ngày 26/4/2017, đối với việc chuyển nhượng thửa đất có GCNQSDĐ số H009074, thửa đất số 55, thuộc tờ bản đồ số 38, địa chỉ tại xã Ea Tul, huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk từ hộ ông Đinh Văn L sang cho ông Trần Tuấn A và bà Đinh Thị Huệ Kh và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20, quyền số 01/2018, do UBND xã Ea Tul, huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk chứng thực vào ngày 26/01/2018, đối với việc chuyển nhượng thửa đất có GCNQSDĐ số X824043, thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 30, địa chỉ tại xã Ea Tul, huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk từ hộ ông Vũ Văn B sang cho ông Trần Tuấn A và bà Đinh Thị Huệ Kh **không phải** do bà Đinh Thị Huệ Kh ký và viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết đề tên “Đinh Thị Huệ Kh” trong 02 Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên do bị can Trần Tuấn A ký và viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết đề tên “Trần Tuấn A” trong 02 Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên do bị can Trần Tuấn A ký và viết ra.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung tại bản cáo trạng số 26/CT-VKS, ngày 29/7/2024 truy tố bị cáo Trần Tuấn A về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Tuấn A từ 06 năm đến 07 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 11/12/2022.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường bất kỳ khoản tiền nào, nên không đề cập xem xét giải quyết.

Cần trả lại cho bị cáo Trần Tuấn A 10.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ theo biên lai số 0005559 và biên lai số 0005560 ngày 25/12/2023.

Cần chấp nhận việc bị cáo Trần Tuấn A đã tác động gia đình trả lại cho ông Trần Văn K số tiền 15.000.000 đồng.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và không tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết được việc làm của bị cáo là sai trái, bị cáo xin Hội đồng xét xử xử cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo có điều kiện làm người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về nội dung: Ngày 30/01/2019 Trần Tuấn A đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản với số tiền 300.000.000 đồng của bà Trần Thị Diệu H và ông Tạ Công L. Trên cơ sở đánh giá lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ truy tố bị cáo Trần Tuấn A về “*Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự. Tại Điều luật này quy định như sau:

“ 1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a. Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

2...

3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.”

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức và biết rõ tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đều bị pháp luật hình sự trừng trị, khi bị cáo nhận tiền của bà Trần Thị Diệu H với số tiền 200.000.000 đồng và ông Tạ Công L với số tiền 100.000.000 bằng hình thức vay, đến thời hạn trả nợ bị cáo không trả mà bỏ trốn để nhằm chiếm đoạt số tiền đã vay. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhằm trừng trị, đồng thời cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ý thức chấp hành pháp luật. Ngoài ra, còn có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng: Không.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã tác động gia đình nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ 10.000.000 đồng theo biên lai số 0005559 và biên lai số 0005560 ngày 25/12/2023 để khắc phục một phần hậu quả cho bị hại Trần Thị Diệu H và Tạ Công L; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà Hội đồng xét xử cần cân nhắc, xem xét.

[3]. Đối với việc Trần Tuấn A nhận số tiền 5.000.000 đồng của ông Trần Văn K để làm thủ tục sang tên GCNQSDĐ số H009074, sau khi nhận tiền Trần Tuấn A không thực hiện theo thỏa thuận mà dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản rồi bỏ trốn đã đủ yếu tố cấu thành “*Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Đối với việc Trần Tuấn A nhận số tiền 10.000.000 đồng, mặc dù Trần Tuấn A đã làm thủ tục sang tên GCNQSDĐ số H009074 qua cho vợ chồng Trần Tuấn A xong nhưng vẫn tiếp tục nói dối làm vợ chồng ông K tin tưởng là thật nên đã đưa tiếp cho Trần Tuấn A số tiền 10.000.000 đồng, sau đó bỏ trốn, hành vi này của Trần Tuấn A đã đủ yếu tố cấu thành “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2; khoản 3 Điều 27 Bộ luật Hình sự, các hành vi phạm tội nêu trên thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là 05 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi phạm tội mới (ngày 30/01/2019). Ngày 30/01/2019, Trần Tuấn A tiếp tục thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản với số tiền 300.000.000 đồng của bà Trần Thị Diệu H và ông Tạ Công L. Do đó, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng và 10.000.000 đồng nói trên được tính lại kể từ ngày 30/01/2019 đến ngày 30/01/2024, trong thời gian này Trần Tuấn A không có quyết định truy nã của cơ quan có thẩm quyền, nên đến thời điểm hiện tại đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng và 10.000.000 đồng nói trên. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét, xử lý hành vi trên của Trần Tuấn A là có căn cứ. Ngoài ra, trong quá trình điều tra vụ án, Trần Tuấn A cũng đã tác động gia đình trả lại số tiền 15.000.000 đồng cho ông Trần Văn K, ông K không có yêu cầu gì thêm đối với số tiền này. Việc

hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng và 10.000.000 đồng nói trên là do lỗi của các cơ quan tiến hành tố tụng.

[4]. Đối với việc Trần Tuấn A chuyển nhượng GCNQSDĐ số H009074 và GCNQSDĐ số X824043 từ ông hộ ông Đinh Văn L và hộ ông Vũ Văn B sang tên cho vợ chồng Trần Tuấn A, Đinh Thị Huệ Kh là giao dịch dân sự do bị lừa dối, sau đó Trần Tuấn A đã dùng 02 GCNQSDĐ này để thế chấp tại Ngân hàng BIDV vay tổng số tiền 500.000.000 đồng, Trần Tuấn A biết rõ 02 GCNQSDĐ không phải của mình, nhưng vẫn mang đi thế chấp để vay tiền hành vi trên có dấu hiệu của giao dịch dân sự bị lừa dối. Hiện nay, Ngân hàng BIDV đã khởi kiện Trần Tuấn A và Đinh Thị Huệ Kh bằng một vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, ngoài ra ông Trần Văn K, ông Phạm Quang V cũng đã có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đối với vụ án do Ngân hàng BIDV khởi kiện Trần Tuấn A. Hiện vụ án dân sự này đang được Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ thụ lý, giải quyết theo quy định và yêu cầu độc lập đối với hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng của bà Trần Thị Diệu H và ông Tạ Công L. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Buôn Hồ ban hành văn bản đề nghị Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ giải quyết dứt điểm vụ án dân sự nêu trên, trường hợp xác định có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự thì chuyển nguồn tin về tội phạm đến cơ quan điều tra có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5]. Đối với việc Đinh Thị Huệ Kh (vợ bị cáo) tham gia ký tên vào Hợp đồng đặt cọc ngày 30/01/2019, quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định Đinh Thị Huệ Kh không cùng Trần Tuấn A vay và không sử dụng khoản tiền 300.000.000 đồng, Kh không biết các nội dung mà Trần Tuấn A đã thỏa thuận với bà H và ông L. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa có đủ căn cứ xác định hành vi của Đinh Thị Huệ Kh đồng phạm với Trần Tuấn A về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

[6]. Về xử lý vật chứng: Không.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường bất kỳ khoản tiền nào, nên không đề cập xem xét giải quyết.

Cần trả lại cho Trần Tuấn A 10.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ theo biên lai số 0005559 và biên lai số 0005560 ngày 25/12/2023.

Cần chấp nhận việc Trần Tuấn A đã tác động gia đình trả lại cho ông Trần Văn Kỳ số tiền 15.000.000 đồng.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Tuấn Anh phạm “*Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

-Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Tuấn A 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11/12/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho Trần Tuấn A 10.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ theo biên lai số 0005559 và biên lai số 0005560 ngày 25/12/2023.

Chấp nhận việc Trần Tuấn A đã tác động gia đình trả lại cho ông Trần Văn Kỳ số tiền 15.000.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo Trần Tuấn A phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát ND thị xã Buôn Hồ;
- Cơ quan THAHS CA thị xã Buôn Hồ;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã Buôn Hồ;
- Bộ phận THAHS TAND thị xã Buôn Hồ;
- Bị cáo; các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ